TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/ DSST
Ngày 22/09/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Trần Văn Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân - Thư ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 22 tháng 09 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/ TLST- DS ngày 14 tháng 05 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S G T T**

Địa chỉ: số 266 – 268 N K K N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 3808/2018/GUQ-PL ngày 29/11/2018.

Ông Phạm Thái Bình ủy quyền lại cho ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Tân Hiệp - Ngân hàng TMCP S G T T (theo giấy ủy quyền số: 112/GUQ – CNKG ngày 11/06/2020) (có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1966 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: số 127, khu phố Đ H, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S G T T – Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Ngọc H trình bày: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD 1814100419 ký ngày 21/05/2016 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với ông Bùi Thanh H và căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với ông Bùi Thanh H. Theo đó Ngân hàng TMCP S G T T có cấp tín dụng cho ông Bùi Thanh H vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau: Số tiền vay 50.000.000đ, lãi suất 18,3%/năm, thời hạn vay 36 tháng, thời điểm trả hết nợ: ngày 21/05/2021. Phương thức thanh toán: vốn gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018, hạn mức sử dụng là 30.000.000đ(ba mươi triệu đồng). Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay ông Bùi Thanh H đã trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 ngày 21/05/2016 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 22.222.400đ (hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng), tiền lãi trong hạn là 9.742.000đ (chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Ngoài ra ông H có trả nợ gốc và lãi của giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 1.189.975đ (một triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn là 12.299.025đ (mười hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) nhưng từ đó cho đến nay thì ông H không có trả gốc và đóng lãi cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Bùi Thanh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Vì ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 22/10/2019 Ngân hàng TMCP S G T T đã chuyển toàn bộ số nợ vay của ông H sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử hôm nay 22/9/2020 ông Bùi Thanh H còn nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 ngày 21/05/2016 số tiền là 34.062.761đ (ba mươi bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 27.777.600đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm đồng), lãi trong hạn 5.306.663đ (năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn 978.498đ (chín trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng). Mặt khác ông H còn nợ Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018 số tiền là 41.636.725đ (bốn mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 31.610.025đ (ba

mươi mốt triệu sáu trăm mười nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 10.026.700đ (mười triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng). Tổng cộng 02 khoản vay, ông Bùi Thanh H còn nợ ngân hàng số tiền là 75.699.486đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 59.387.625đ (năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), lãi trong hạn là 5.306.663đ (năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn là 11.005.198đ (mười một triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ, đốc thúc đến hạn thanh toán nhưng đến nay bên vay vốn vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy bên vay đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh H trả nợ 02 khoản vay cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền là 75.699.486đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 22/9/2020 của ngân hàng TMCP S G T T), trong đó tiền gốc là 59.387.625đ (năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 22/09/2020 là 5.306.663đ (năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 22/9/2020 là 11.005.198đ (mười một triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm chín mươi tám đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi ông Bùi Thanh H trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T.

Bị đơn ông Bùi Thanh H trình bày: do ông Bùi Thanh H vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài

ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Bùi Thanh H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Bùi Thanh H, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Thanh H là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP S G T T với ông Bùi Thanh H là quan hệ Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu giải quyết buộc ông Bùi Thanh H nợ cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền gốc và lãi là 75.699.486đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 21/05/2016 ông Bùi Thanh H có vay của Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng đối với hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 kiêm giấy nhận nợ ký ngày 21/05/2016, lãi suất 18,3%/năm và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018, hạn mức sử dụng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hàng tháng ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Phương thức thanh toán: vốn gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay ông H chỉ trả cho ngân hàng TMCP S G T T nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 ngày 21/05/2016 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 22.222.400đ (hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng), tiền lãi trong hạn là 9.742.000đ (chín triệu bảy

trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Ngoài ra ông H có trả nợ gốc và lãi của giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ký ngày 15/05/2018 cho Ngân hàng như sau: số tiền gốc là 1.189.975đ (một triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn là 12.299.025đ (mười hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), từ đó cho đến nay thì ông H vẫn chưa trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP S G T T, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông H không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh H trả cho Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền gốc của 02 khoản vay là 59.387.625đ (năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi bayr nghin sáu trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 22/09/2020 là 5.306.663đ (năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 22/9/2020 là 11.005.198đ (mười một triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm chín mươi tám đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 22/9/2020 của ngân hàng TMCP S G T T). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 75.699.486đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 ngày 21/05/2016 và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 15/05/2018 đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi ông Bùi Thanh H trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T. Lời yêu cầu của ông Vũ Ngọc H phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S G T T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 1.586.000đ (một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số

0000546 ngày 12/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Bùi Thanh H phải nộp: 75.699.486đ x 5% = 3.784.974đ tính tròn là 3.785.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản1, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T.

3/ Buộc ông Bùi Thanh H trả cho Ngân hàng TMCP S G T T tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 75.699.486đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông bùi Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: LD 1814100419 ngày 21/05/2016 và giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng đã ký ngày 15/05/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S G T T thì lãi suất mà ông Bùi Thanh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S G T T.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc ông Bùi Thanh H nộp 3.785.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 1.586.000đ (một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000546 ngày 12/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP S G T T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho ông Bùi Thanh H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật